

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22/4/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương.

Ông Nguyễn Văn Chiến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Việt Anh.

Ngày 22/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2025/TB-TLST ngày 26/3/2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Hoàng Thị B, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài.

+ ***Đại diện theo uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng của nguyên đơn chị Hoàng Thị B là ông Hoàng Văn N, sinh năm 1963, địa chỉ thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.***

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 25/3/2025 nguyên đơn là chị Hoàng Thị B trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 29/7/2009 chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh H làm dâu vợ chồng chung sống hạnh phúc, do điều kiện kinh tế gia đình đến năm 2013 thì chị đi sang nước ngoài lao động, thời gian đầu khi chị mới sang thì vợ chồng vẫn thường xuyên quan tâm và liên lạc với nhau, sau đó do khoảng cách địa lý dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã tìm cách giải quyết nói chuyện với nhau nhưng không có được kết quả đến nay vợ chồng ít khi liên lạc với nhau chỉ liên lạc khi liên quan đến việc con chung. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 07/7/2010. Ly hôn chị đề nghị giao cháu H1 cho anh H nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị thời gian nghỉ phép của chị đã hết chị phải quay về Đài Loan làm việc nên chị xin phép được vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh H được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh H.

Chị cũng ủy quyền cho ông Hoàng Văn N, sinh năm: 1963; trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang thay mặt chị nhận các văn bản tố tụng, nhận bản án, trích lục của Tòa án và thông báo lại cho chị biết.

+Bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang ngày 29/7/2009. Sau khi kết hôn, chị B về nhà gia đình anh làm dâu vợ chồng chung sống hạnh phúc, do điều kiện kinh tế gia đình đến năm 2013 thì chị H đi sang nước ngoài lao động, thời gian đầu khi chị B mới sang nước ngoài thì vợ chồng vẫn thường xuyên quan tâm với nhau, sau đó do khoảng cách địa lý dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã tìm cách giải quyết nói chuyện với nhau nhưng không có được kết quả đến nay

vợ chồng ít khi liên lạc với nhau chỉ liên lạc khi liên quan đến việc con cái. Ngày 09/3/2025 chị B về nước nhưng chị B không về nhà anh ở mà ở nhà bố mẹ đẻ ở và ngày 30/3/2025 chị B lại sang nước ngoài lao động. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và chị Hoàng Thị B có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị B.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 07/7/2010. Ly hôn anh đề nghị giao cháu Nguyễn Thành H1 cho anh nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc nên anh xin phép được vắng mặt trong tất cả các buổi công khai chứng cứ, các phiên tòa xét xử vụ án. Anh giữ nguyên các quan điểm đã trình bày.

Tòa án đã làm việc với cháu Nguyễn Thành H1 cháu trình bày: cháu là con của bố Nguyễn Văn H và mẹ Hoàng Thị B, hiện nay cháu đang ở cùng với bố. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở với bố Nguyễn Văn H.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị B, bị đơn anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 bộ luật tố tụng dân sự công bố bản tự khai của chị B; bản tự khai của anh H và biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thành H1 và tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

-Việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị B. Xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 07/7/2010 cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc.

Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Chị Hoàng Thị B anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị B, anh H.

[2]. **Về thẩm quyền:** Chị Hoàng Thị B là nguyên đơn hiện đang lao động tại nước ngoài có đơn xin ly anh Nguyễn Văn H. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. **Về hôn nhân:** Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh H. Xem xét đơn khởi kiện của chị B. Hội đồng xét xử thấy, chị B xác định hiện nay vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống chị và anh H đã không còn liên lạc gì với nhau nữa, cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị B xin ly hôn anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị B, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn vì xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và tình trạng hôn nhân không thể kéo dài. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B. Xử cho chị B được ly hôn anh H.

[4]. **Về con chung:** Chị Hoàng Thị B và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 07/7/2010. Hiện nay cháu H1 đang ở với anh Nguyễn Văn H. Ly hôn chị B đề nghị giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện nuôi con chung của chị Hoàng Thị B. Hội đồng xét xử thấy hiện nay chị B đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Hoàng Thị B từ khi đi nước ngoài thì cháu Nguyễn Thành H1 vẫn do anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu phát triển bình thường, được đi học đầy đủ và cháu Nguyễn Thành H1 cũng có nguyện vọng muốn được ở với anh Nguyễn Văn H. Do đó Hội đồng xét xử

áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị B về nuôi con chung, giao cho anh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày 07/7/2010 đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Chị Hoàng Thị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.

Trường hợp chị B về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị Hoàng Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thành H1, sinh ngày

07/7/2010 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Hoàng Thị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.

4.Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000473 ngày 26/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

5.Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Hoàng Thị B hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

